

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 15 - 9 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng

Ông Huỳnh Mậu Thìn

Bà Liêu Bích N

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM X**, sinh năm 1977, tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Lương Thị T, sinh năm 1935; chồng là Phạm Chí T, sinh năm 1979 và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2022 đến nay, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Duy Sơn, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thái Sơn, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Bà Cao Thị Túy Giang, Luật sư của Văn phòng Luật sư Vinh Phú - chi nhánh Bạc Liêu, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Ngô Thị Tú D, sinh năm 1975. Nơi cư trú: số 15, Nguyễn Văn T, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. Cao Thị N, sinh năm 1952. Nơi cư trú: ấp Phước T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

4. Nguyễn Thị M, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp Phước T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

5. Trần Thị T3 D, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

6. Võ Kiều O, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp Phước T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Triệu Minh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp Phước T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu (văn bản uỷ quyền ngày 14/9/2022), (có mặt).

7. Tạ Bích P, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

8. Bùi Thị Hồng H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

9. Lê Thị L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

10. Nguyễn Thị Thanh L2, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

11. Tạ Ngọc D, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

12. Huỳnh Thị L3, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

13. Nguyễn Kim C, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

14. Phan Văn T2, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

15. Lâm Thị Đ, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

16. Trịnh Việt T3, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

17. Trần Thị N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

18. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp Phước T2, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

19. Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp Phước T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

20. Triệu Thanh H3, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khóm A, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

21. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp Phước T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

22. Hồ Thị A, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

23. Lê Thị N, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp Tràm 1, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

24. Lưu Thị Mỹ T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp T, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp Béc Hen L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Lê Thị Đ, sinh năm 1961. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3. Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

4. Trịnh D H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp Béc Hen Lớn, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

5. Trương Mỹ T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

6. Phạm Chí T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim X, trú tại: ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu bắt đầu làm chủ hội từ khoảng năm 2013, để hưởng hoa hồng và có nhiều dây hội mãi, nên đã tạo được lòng tin đối với người chơi. Trong thời gian làm chủ hội, X là người trực tiếp đi thu và giao tiền hội cho các hội viên, X đã sử dụng tiền của các hội viên đóng hội để lấp hội và tiêu xài cá nhân dẫn đến mất cân đối. Từ đó, X nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền của các hội viên, bằng cách lập ra nhiều dây hội mới, lấy tên không người khác tham gia chơi để hốt hội, mạo danh hội viên để hốt hội và bán hội không cho hội viên.

Với cách thức, thủ đoạn nêu trên, từ khoảng tháng 5 năm 2019 đến tháng 03 năm 2020, X đã mở 04 dây hội loại hội tháng mỗi dây thấp nhất 1.000.000đ và cao nhất là 2.000.000đ, chiếm đoạt tiền của các hội viên tham gia chơi hội và bán

hội không với tổng số tiền là 1.293.810.000đ, đến ngày 20/3/2020 (ngày 27/02/2020 âm lịch), X tuyên bố vỡ hội.

Hành vi cụ thể của Nguyễn Thị Kim X thể hiện như sau:

Đối với hành vi lấy tên không tham gia và mạo danh hội viên hốt hội:

1. Dây hội 2.000.000đ/phần, mở ngày 19/5/2019 (ngày 15/4/2019 âm lịch), mỗi tháng mở 02 lần (vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), tổng số 28 phần: có 14 người tham gia 20 phần và X tham gia 02 phần (trong đó có thỏa thuận lấy 01 phần của hội viên Trịnh D H), lấy tên không tham gia 06 phần.

Dây hội đã mở được 21 kỳ, X đã hốt 02 phần của X tham gia, lấy tên không hốt 06 phần hội (tên Ph 01 phần, Chi 5 (N) 02 phần, Th 02 phần và Cô 2 01 phần) và mạo danh hội viên hốt 10 phần (không nhớ mạo danh hội viên nào). Hội viên đã hốt 03 phần và chưa hốt 17 phần, bao gồm: Trần Thị Ngọc C, Trịnh Việt T3 và Lâm Thị Đ mỗi người hốt 01 phần, nợ 14.000.000đ/người; Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị M, Bùi Thị Hồng H, Nguyễn Thị Thanh L2, Tạ Ngọc D, mỗi người 01 phần chưa hốt, đã đóng 21 kỳ 32.970.000đ/người; Trần Thị T3 D 01 phần chưa hốt, đã đóng 20 kỳ 31.450.000đ; Ngô Thị Tú D 02 phần chưa hốt, đã đóng 20 kỳ 62.900.000đ; Cao Thị N, Tạ Bích P mỗi người 02 phần chưa hốt, đã đóng 21 kỳ 65.940.000đ/người; Huỳnh Thị L3 02 phần chưa hốt, đã đóng 21 kỳ 67.640.000đ và Võ Kiều O 03 phần chưa hốt, đã đóng 21 kỳ 98.910.000đ.

Tổng số tiền hội viên đóng hội sống 557.630.000đ, sau khi trừ số tiền hội viên nợ hội chết 42.000.000đ, X còn chiếm đoạt số tiền là 515.630.000đ.

2. Dây hội 2.000.000đ/phần, mở ngày 05/8/2019 (ngày 05/7/2019 âm lịch), mỗi tháng mở 02 lần (vào ngày 05 và 20 âm lịch hàng tháng), tổng số 31 phần: có 15 người tham gia 25 phần và X tham gia 02 phần (trong đó có thỏa thuận lấy 01 phần của hội viên Trịnh D H), lấy tên không tham gia 04 phần.

Dây hội đã mở được 16 kỳ, X đã hốt 02 phần của X tham gia, lấy tên không hốt 04 phần hội (tên Chi 2 (H) 02 phần và Chi 7 (B) 02 phần) và mạo danh hội viên hốt 07 phần (không nhớ mạo danh hội viên nào).

Hội viên đã hốt 03 phần và chưa hốt 22 phần, bao gồm: Lê Thị Đ 01 phần đã hốt, nợ 30.000.000đ; Lê Thị L 02 phần, đã hốt 01 phần, nợ 30.000.000đ và 01 phần chưa hốt, đã đóng 16 kỳ 25.480.000đ; Bùi Thị Hồng H 02 phần, đã hốt 01 phần tại kỳ thứ 16, tuy nhiên bị can X chỉ giao cho H số tiền 5.000.000đ) và 01 phần chưa hốt, đã đóng 15 kỳ 23.880.000đ; Nguyễn Kim C, Lâm Thị Đ, Trịnh Việt T3, Trần Thị T3 D mỗi người 01 phần chưa hốt, đã đóng 15 kỳ 23.880.000đ/người; Ngô Thị Thu H 01 phần chưa hốt, đã đóng 16 kỳ 25.480.000đ; Tạ Ngọc D, Cao Thị N mỗi người 02 phần chưa hốt, đã đóng 16 kỳ 50.960.000đ/người; Phan Văn T2, Trần Thị N, Nguyễn Thị T, Ngô Thị Tú D mỗi người 02 phần chưa hốt, đã đóng 15 kỳ 47.760.000đ/người và Võ Kiều O 03 phần chưa hốt, đã đóng 16 kỳ 76.440.000đ.

- Tổng số tiền hội viên đóng hội sống 534.760.000đ (539.760.000đ-5.000.000đ), sau khi trừ số tiền hội viên nợ hội chết 60.000.000đ, X còn chiếm đoạt số tiền là 474.760.000đ.

3. Dây hội 2.000.000đ/phần, mở ngày 25/12/2019 (ngày 30/11/2019 âm lịch), mỗi tháng mở 02 lần (vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), tổng số 31 phần: có 13 người tham gia 20,5 phần và X tham gia 0,5 phần (do bị can X và Lưu Thị Mỹ T thỏa thuận hùn nhau chơi 01 phần), lấy tên không tham gia 10 phần.

Dây hội đã mở được 06 kỳ, X đã hót 0,5 phần của X tham gia cùng với T, lấy tên không hót 04 phần hội (tên Chị D 01 phần, Cô H 01 phần, Th 01 phần và Chị 9 (chín) 01 phần), còn 06 phần hội không chưa hót (Chị B (Chế H) 02 phần, Chị N 02 phần, Cô H 01 phần và Chị H (Chế Ba) 01 phần); mạo danh hội viên hót 0,5 phần (phần của hội viên Lưu Thị Mỹ T).

Hội viên đã hót 01 phần và chưa hót 18,5 phần, bao gồm: Nguyễn Ngọc D 01 phần đã hót, nợ 44.000.000đ; Lưu Thị Mỹ T 0,5 phần, đã đóng 06 kỳ 4.800.000đ; Nguyễn Thị M, Triệu Thanh H, Lê Thị N mỗi người 01 phần chưa hót, đã đóng 06 kỳ 9.350.000đ/người; Cao Thị N, Bùi Thị Hồng H, Võ Kiều O, Huỳnh Thị L3 mỗi người 02 phần chưa hót, đã đóng 06 kỳ 18.700.000đ/người; Trần Thị N 02 phần chưa hót, đã đóng 05 kỳ 15.600.000đ; Hồ Thị A 02 phần chưa hót, đã đóng 06 kỳ 18.540.000đ; Nguyễn Thị Ngọc T 03 phần chưa hót, đã đóng 04 kỳ 18.300.000đ; riêng 01 phần của hội viên tên Đ vắng mặt địa phương chưa làm việc được.

- Tổng số tiền hội viên đóng hội sống 160.090.000đ, sau khi trừ số tiền hội viên nợ hội chết 44.000.000đ, X còn chiếm đoạt số tiền là 116.090.000đ.

4. Dây hội 1.000.000đ/phần, mở ngày 03/3/2020 (ngày 10/02/2020 âm lịch), mỗi tháng mở 02 lần (vào ngày 15 và 25 âm lịch hàng tháng) có 03 người tham gia 07 phần. Dây hội đã mở được 01 kỳ, X mạo danh hội viên hót 01 phần tại kỳ mở hội đầu tiên (không nhớ mạo danh hội viên nào). Hội viên chưa hót 07 phần, bao gồm: Võ Kiều O, Bùi Thị Hồng H mỗi người 03 phần chưa hót, đã đóng 01 kỳ 2.400.000đ/người và Triệu Thanh H 01 phần chưa hót, đã đóng 01 kỳ 800.000đ.

- Tổng số tiền X mạo danh hội viên hót hội, chiếm đoạt 5.600.000đ.

Đối với hành vi bán hội không:

Nguyễn Thị Kim X L3 hệ với Bùi Thị Hồng H ở ấp Tân L, xã Long T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, đưa ra thông tin gian dối là có hội viên cần bán hội nếu mua sẽ có lời (thực tế không có ai bán hội), từ đó tạo lòng tin của hội viên đồng ý mua hội. X đã nhiều lần bán hội không cho Hà để chiếm đoạt tiền 181.730.000đ, cụ thể như:

- Dây hội 2.000.000đ/phần, mở ngày 19/5/2019 (ngày 15/4/2019 âm lịch), X bán cho H 01 phần hội không, số tiền 46.730.000đ.

- Dây hui 2.000.000đ/phần, mở ngày 05/8/2019 (ngày 05/7/2019 âm lịch), X bán cho H 02 phần hui không, số tiền 90.400.000đ.

- Dây hui 2.000.000đ/phần, mở ngày 25/12/2019 (ngày 30/11/2019 âm lịch), X bán cho H 01 phần hui không, số tiền 44.600.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS-P1 ngày 11/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim X về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử lý vật chứng: không.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim X có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 1.279.880.000đ, cụ thể như sau:

4.1. Trả cho Ngô Thị Tú D số tiền 110.660.000đ

4.2. Trả cho Cao Thị N số tiền 132.600.000đ

4.3. Trả cho Nguyễn Thị M số tiền 39.320.000đ

4.4. Trả cho Trần Thị T3 D số tiền 55.330.000đ

4.5. Trả cho Võ Kiều O số tiền 193.450.000đ

4.6. Trả cho Tạ Bích P số tiền 61.940.000đ

4.7. Trả cho Bùi Thị Hồng H số tiền 278.560.000đ. (Dây 1: 32.970.000đ; Dây 2: 23.880.000đ; Dây 3: 18.700.000đ và Dây 4: 2.400.000đ. Số tiền mua hui không là 181.730.000đ. Riêng Dây 2 có 01 phần đã hót số tiền 50.000.000đ, nhưng bị cáo X đưa 5.000.000đ, còn lại 45.000.000đ. Tuy nhiên, xác định hui viên Hà đã đóng 15 kỳ với số tiền 23.880.000đ, đối trừ 5.000.000đ, còn lại 18.880.000đ).

4.8. Trả cho Nguyễn Thị Thanh L2 số tiền 29.970.000đ

4.9. Trả cho Tạ Ngọc D số tiền 79.930.000đ

4.10. Trả cho Huỳnh Thị L3 số tiền 86.340.000đ

4.11. Trả cho Nguyễn Kim C số tiền 22.380.000đ

4.12. Trả cho Phan Văn T2 số tiền 47.760.000đ

4.13. Trả cho Trần Thị N số tiền 61.360.000đ

4.14. Trả cho Nguyễn Thị T số tiền 43.760.000đ.

4.15. Trả cho Ngô Thị Thu H số tiền 22.480.000đ.

4.16. Trả cho Hồ Thị A số tiền 14.040.000đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh, điều luật và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục một phần hậu quả, các bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, nên hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[1.2] Đối với những bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những người chơi hụi và những người mua hụi trong các dây hụi do bị cáo làm chủ hụi. Cụ thể:

Dây hụi 2.000.000đ/phần, mở ngày 19/5/2019 (ngày 15/4/2019 âm lịch), bị cáo chiếm đoạt số tiền 515.630.000đ.

Dây hụi 2.000.000đ/phần, mở ngày 05/8/2019 (ngày 05/7/2019 âm lịch), bị cáo chiếm đoạt số tiền 474.760.000đ.

Dây hụi 2.000.000đ/phần, mở ngày 25/12/2019 (ngày 30/11/2019 âm lịch), bị cáo chiếm đoạt số tiền 116.090.000đ.

Dây hụi 1.000.000đ/phần, mở ngày 03/3/2020 (ngày 10/02/2020 âm lịch), bị cáo chiếm đoạt số tiền 5.600.000đ

Ngoài ra, bị cáo X đã nhiều lần bán hụi khổng cho Bùi Thị Hồng H để chiếm đoạt số tiền 181.730.000đ.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 1.293.810.000đ nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của những người bị hại mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, chỉ vì muốn có tiền chi xài cho nhu cầu cá nhân mà bị cáo xem thường pháp luật, bất chấp dùng những thủ đoạn gian dối trong thời gian dài để chiếm đoạt tài sản của rất nhiều người xung quanh gây bất bình trong xã hội, làm mất niềm tin trong các giao dịch dân sự. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho hành vi do mình gây ra, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tài sản của các hụi viên một cách trái pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, có như thế mới đủ để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của những người xung quanh để từng bước thực hiện hành vi phạm tội với mức độ ngày một nguy hiểm hơn, nhiều lần bị cáo chiếm đoạt có số tiền đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục được một phần hậu quả (Tổng số tiền là 184.660.000đ bao gồm: Thỏa thuận khắc phục cho các bị hại số tiền 157.660.000đ + số tiền nộp tại cơ quan thi hành án 27.000.000đ), nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho bị cáo mức án phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị cáo Nguyễn Thị Kim X đã thỏa thuận bồi thường xong cho các bị hại, cụ thể bồi thường cho Trịnh Việt T3, số tiền 9.880.000đ; Nguyễn Thị Mỹ A,

số tiền 32.970.000đ; Lâm Thị Đ, số tiền 9.880.000đ; Triệu Thanh H, số tiền 12.000.000đ; Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 18.300.000đ; Lê Thị N, số tiền 9.350.000đ; Lưu Thị Mỹ T, số tiền 4.800.000đ và Lê Thị L, số tiền 25.480.000đ.

[5.2] Đối với các bị hại mà bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả gồm: Hồ Thị A số tiền 4.500.000đ; Ngô Thị Thu H số tiền 3.000.000đ; Cao Thị N số tiền 3.000.000đ; Nguyễn Thị M số tiền 3.000.000đ; Võ Kiều O số tiền 3.000.000đ; Tạ Bích P số tiền 4.000.000đ; Nguyễn Thị Thanh L2 số tiền 3.000.000đ; Tạ Ngọc D số tiền 4.000.000đ; Trần Thị N số tiền 2.000.000đ; Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000đ và Nguyễn Kim C số tiền 1.500.000đ nên được đối trừ.

[5.3] Những người bị hại còn lại tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cụ thể như sau: Ngô Thị Tú D số tiền 110.660.000đ, Cao Thị N số tiền 132.600.000đ, Nguyễn Thị M số tiền 39.320.000đ, Trần Thị T3 D số tiền 55.330.000đ, Võ Kiều O số tiền 193.450.000đ, Tạ Bích P số tiền 61.940.000đ, Bùi Thị Hồng H số tiền 259.680.000đ, Nguyễn Thị Thanh L2 số tiền 29.970.000đ, Tạ Ngọc D số tiền 79.930.000đ, Huỳnh Thị L3 số tiền 86.340.000đ, Nguyễn Kim C số tiền 22.380.000đ, Phan Văn T2 số tiền 47.760.000đ, Trần Thị N số tiền 61.360.000đ, Nguyễn Thị T số tiền 43.760.000đ, Ngô Thị Thu H số tiền 22.480.000đ, Hồ Thị A số tiền 14.040.000đ.

[5.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kim X đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ hui như các bị hại yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.5] Đối với số tiền 27.000.000đ do bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục trong quá trình điều tra, theo biên lai thu tiền số 0000179 ngày 22/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được đối trừ cho các bị hại trong giai đoạn thi hành án, theo tỷ lệ phần trăm số tiền bị cáo nợ các bị hại.

[6] Đối với các hui viên sau khi hốt hui còn nợ lại bị cáo tiền hui chết trong các dây hui, cũng như số tiền hốt hui ở dây hui 2.000.000đ/phần, mở ngày 05/8/2019 (ngày 05/7/2019 âm lịch) mà bị cáo còn nợ lại bà Bùi Thị Hồng H, xét thấy đây là quan hệ dân sự, bị cáo, bà H có quyền khởi để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục Tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố và Luật sư bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mức bồi thường bị cáo chiếm tỉ lệ thấp không thể hiện thái độ thiện chí khắc phục hậu quả, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 14/01/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 471 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim X có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 1.261.000.000đ, cụ thể như sau:

4.1. Trả cho Ngô Thị Tú D số tiền 110.660.000đ

4.2. Trả cho Cao Thị N số tiền 132.600.000đ

4.3. Trả cho Nguyễn Thị M số tiền 39.320.000đ

4.4. Trả cho Trần Thị T3 D số tiền 55.330.000đ

4.5. Trả cho Võ Kiều O số tiền 193.450.000đ

4.6. Trả cho Tạ Bích P số tiền 61.940.000đ

4.7. Trả cho Bùi Thị Hồng H số tiền 259.680.000đ

4.8. Trả cho Nguyễn Thị Thanh L2 số tiền 29.970.000đ

4.9. Trả cho Tạ Ngọc D số tiền 79.930.000đ

4.10. Trả cho Huỳnh Thị L3 số tiền 86.340.000đ

4.11. Trả cho Nguyễn Kim C số tiền 22.380.000đ

4.12. Trả cho Phan Văn T2 số tiền 47.760.000đ

4.13. Trả cho Trần Thị N số tiền 61.360.000đ

4.14. Trả cho Nguyễn Thị T số tiền 43.760.000đ.

4.15 Trả cho Ngô Thị Thu H số tiền 22.480.000đ,

4.16 Trả cho Hồ Thị A số tiền 14.040.000đ.

Đối với số tiền 27.000.000đ gia đình bị cáo nộp khắc phục trong quá trình xét xử, theo biên lai thu tiền số 0000179 ngày 22/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, được đối trừ cho các bị hại trong giai đoạn thi hành án, theo tỷ lệ phần trăm số tiền bị cáo nợ các bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim X phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 49.020.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQĐT Công an tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Sở Tư Pháp (01b);
- Bị cáo (01b);
- Luật sư (01b);
- Bị hại (24b);
- Người liên quan(06b)
- Lưu: HSVA, THCTP, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương